

NHỮNG BIẾN ĐỔI XÃ HỘI Ở NÔNG THÔN VIỆT NAM DO QUÁ TRÌNH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP (QUA TÌM HIỂU Ở NINH BÌNH)

Ngô Thị Phụng*

Đặt vấn đề

Những năm gần đây nông thôn Việt Nam đang có nhiều biến đổi mạnh mẽ do trong quá trình thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn đã chuyển một phần không nhỏ đất nông nghiệp sang xây dựng các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu du lịch và đô thị mới... Thu hút đầu tư là vấn đề được hầu hết các tỉnh, thành phố quan tâm, thậm chí được đặt ở vị trí ưu tiên hàng đầu để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế. Tỉnh nào càng có nhiều dự án đầu tư thì diện tích đất nông nghiệp càng bị thu hẹp.

Ninh Bình là một tỉnh phía Nam của vùng đồng bằng Bắc bộ, có đặc điểm tự nhiên hết sức đa dạng, vừa có vùng đồng bằng trồng lúa nước, vừa có vùng đồi núi để phát triển trồng cây ăn quả, cây công nghiệp, lại vừa có vùng biển để nuôi trồng thủy hải sản. Ngoài ra, thiên nhiên còn ưu đãi cho Ninh Bình nhiều danh lam thắng cảnh gắn với các di tích lịch sử nổi tiếng - tiềm năng cho sự phát triển ngành du lịch. Trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn, Ninh Bình đã có bước chuyển dịch mạnh mẽ từ một tỉnh thuần nông, nguồn thu chính của người dân chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp, sang một tỉnh có cơ cấu kinh tế đa dạng, trong đó, đẩy mạnh phát triển công nghiệp, xây dựng, du lịch dịch vụ là mũi nhọn. Năm 1991, cơ cấu kinh tế (theo GDP) cho thấy, tỷ trọng, nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 75,74%, công nghiệp - xây dựng chiếm 18,18%, dịch vụ chiếm 0,6%. Năm 2005, cơ cấu đó có sự chuyển dịch căn bản: công nghiệp - xây dựng chiếm 35,7 %; dịch vụ, du lịch 33,4%, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản 30,9%. Mục tiêu đến năm 2010, cơ cấu kinh tế sẽ là: công nghiệp - xây dựng 48%; dịch vụ 35%; nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản 17% ⁽¹⁾. Cùng với sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ấy thì phần nhiều đất canh tác nông nghiệp đang bị thu hẹp để phục vụ cho các dự án khu công nghiệp và du lịch.

Quy hoạch các cụm công nghiệp tỉnh Ninh Bình

- | | |
|---|-------------------------------------|
| + <i>Cụm công nghiệp Nam thị xã Ninh Bình</i> | + <i>Cụm công nghiệp Ninh Khánh</i> |
| + <i>Cụm công nghiệp Ninh Tiến</i> | + <i>Cụm công nghiệp Thiên Tôn</i> |
| + <i>Cụm công nghiệp Đồng Hướng</i> | + <i>Cụm công nghiệp Bình Minh</i> |
| + <i>Cụm công nghiệp Kim Chính</i> | + <i>Cụm công nghiệp Gián Khẩu</i> |
| + <i>Cụm công nghiệp Gia Sinh</i> | + <i>Cụm công nghiệp Gia Vân</i> |

*TS, Trường ĐH KHXH & NV, ĐHQG Hà Nội

- + *Cụm công nghiệp Đồng Phong*
- + *Cụm công nghiệp Khánh Cư*
- + *Cụm công nghiệp Khánh Nhạc*
- + *Cụm công nghiệp Mai Sơn*

Quy hoạch các khu công nghiệp tỉnh Ninh Bình

- + *Khu công nghiệp Tam Điệp*
- + *Khu công nghiệp Ninh Phúc*

Quy hoạch các khu du lịch đến 2010, định hướng đến 2015

Gồm 7 khu du lịch chính, 9 tuyến du lịch nội tỉnh, 10 tuyến du lịch liên tỉnh và quốc tế. Trong đó 7 khu du lịch chính gồm:

- + *Khu Tam Cốc - Bích Động - Sinh thái Tràng An - Cố đô Hoa Lư*
- + *Khu trung tâm thành phố Ninh Bình*
- + *Khu Vườn quốc gia Cúc Phương - Kỳ Phú - Hồ Đồng Chương*
- + *Khu du lịch suối nước nóng Kênh Gà - Động Vân Trình - Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long - Chùa Địch Lộng - Động Hoa Lư*
- + *Khu thị xã Tam Điệp - Phòng tuyến Tam Điệp - Biện Sơn*
- + *Khu hồ Yên Thắng - Yên Đồng - Động Mã Tiên*
- + *Khu nhà thờ đá Phát Diệm và vùng biển Kim Sơn*

Nguồn: www.ninhbinh.gov.vn

Từ năm 2003 đến 2006, chỉ tính riêng việc triển khai các khu du lịch, Tỉnh đã giao cho Sở Du lịch Ninh Bình 10.688.407,1 m². Theo hướng phát triển hiện nay thì việc chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sẽ còn tiếp tục diễn ra trong những năm tiếp theo, tức đất canh tác nông nghiệp sẽ còn thu hẹp nữa.

Hiện tượng chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp đang kéo theo sự thay đổi nhiều mặt trong đời sống xã hội nông thôn Việt Nam nói chung và Ninh Bình nói riêng. Những thay đổi này thể hiện ở hai phương diện: *Thứ nhất*, chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp đã góp phần chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn ở Ninh Bình diễn ra theo hướng khai thác tiềm năng của địa phương, nhờ đó thúc đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế và mức thu ngân sách của Tỉnh. Tốc độ tăng GDP trong giai đoạn 1996-2000 đạt bình quân 8,12%/năm, giai đoạn 2000-2005 đạt 11,9%/năm, năm 2006 đạt 12,6%. Thu ngân sách năm 1991 đạt 24,4 tỷ đồng, năm 2006 đạt 878 tỷ đồng, năm 2007 đạt 1140 tỷ và chỉ riêng 6 tháng năm 2008, ngân sách của Tỉnh đã đạt 860 tỷ. Cùng với sự phát triển kinh tế, cơ sở hạ tầng nông thôn (giao thông, nhà ở, hệ thống điện, thông tin,...) được đầu tư ngày càng hiện đại hoá, đáp ứng nhu cầu sống, sinh hoạt, vận chuyển hàng hoá, đi lại ... của người dân. Phong trào cứng hoá đường giao thông nông thôn được đẩy mạnh. Đến nay, hầu hết các tuyến đường quốc lộ, đường liên huyện, liên xã được bê tông hoặc rải nhựa. Mạng lưới điện, thông tin liên lạc, trường học, trụ sở làm việc các cơ quan ban ngành, nhà ở của người dân đều được sửa chữa, xây mới khang trang hơn. Việc làm cho người lao động ngày càng đa dạng hoá: sản xuất nông nghiệp, các làng nghề truyền thống được khôi phục, công nghiệp - xây dựng, dịch vụ du lịch. Nhờ vậy, nguồn thu của người dân cũng đa dạng

và tăng cao. Thu nhập bình quân đầu người năm 1991 là 0,51 triệu đồng, năm 2006 đạt 6,42 triệu đồng, tăng 12,5 lần so với năm 1991; Tính khép kín, cục bộ, địa phương ở nông thôn dần bị phá vỡ, giao lưu kinh tế, văn hoá ở nông thôn mở rộng. Nhìn chung, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được cải thiện đáng kể. *Thứ hai*, chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp cũng đang kéo theo nhiều vấn đề xã hội cấp bách: Thiếu việc làm cho người lao động; Tệ nạn xã hội gia tăng; Những giá trị của văn hoá làng xã ngày càng mờ nhạt; Ô nhiễm môi trường sống ở nông thôn; Xuất hiện những mâu thuẫn giữa nhà đầu tư với người dân địa phương trong triển khai dự án...

Bài viết này, tập trung phân tích sâu hơn những vấn đề xã hội cấp bách nảy sinh trong quá trình chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp, đề xuất một số giải pháp khắc phục những vấn đề đó, góp phần đưa nông thôn Ninh Bình và Việt Nam phát triển bền vững.

1. Những vấn đề xã hội cấp bách ở nông thôn Việt Nam hiện nay

1.1. Thiếu việc làm cho người lao động

Mặc dù sự chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn đã đem lại sự đa dạng hoá việc làm, nguồn thu cho người lao động, nhưng tình trạng người lao động thiếu việc làm lại là hiện tượng phổ biến ở hầu hết các vùng nông thôn Việt Nam. Bình quân mỗi hecta đất thu hồi có khoảng 10 đến 13 người lao động bị mất việc làm, cần phải chuyển đổi nghề. Theo báo Hà Nội Mới ngày 15/4/2008, tổng diện tích đất trồng lúa cả nước năm 2005 là 5.165.277 hecta, giai đoạn 2001-2005, tổng diện tích nông nghiệp bị thu hồi chuyển sang đất phi nông nghiệp trên 366.000 hecta, bình quân 73.000 hecta/năm⁽²⁾. Như vậy, từ 2001-2005, ở Việt Nam có khoảng 4 triệu người lao động cần phải chuyển đổi nghề do bị thu hồi đất. Cộng với số dân tăng tự nhiên, mỗi năm tăng thêm khoảng 5 triệu lao động. Đối với Việt Nam nói chung và Ninh Bình nói riêng, trong quá trình thu hồi đất để chuyển đổi cơ cấu kinh tế đang phải đối mặt với tình trạng hàng ngàn người lao động thuần nông không đủ việc làm hoặc mất việc làm hoàn toàn.

Do không đủ việc làm, phần lớn thanh niên đến độ tuổi lao động đều đi ra ngoài kiếm sống, tình trạng ly nông kéo theo ly hương, cơ cấu dân số mất cân đối nghiêm trọng. Nhiều thôn, xóm, dân cư chủ yếu là người già, phụ nữ và trẻ em. Bộ phận lao động cầm chốt ở quê hương đều có độ tuổi tương đối cao và chủ yếu là phụ nữ, khó có khả năng để học một nghề mới. Trong khi đó, việc triển khai đào tạo nghề cho người lao động còn chậm, chưa phù hợp với đối tượng lao động ở nông thôn, nên kém hiệu quả. Việc đào tạo chuyển đổi nghề cho người lao động ở nông thôn cũng gặp không ít khó khăn, bất cập. Trình độ văn hoá thanh niên thấp. Chất lượng các trung tâm, trường dạy nghề chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế, nên sau khi học nghề, các đối tượng này khó cạnh tranh khi đi tìm việc làm trong các khu công nghiệp, khu chế xuất. Các doanh nghiệp đều có nhu cầu tuyển lao động trẻ (dưới 35 tuổi), lao động trên 35 tuổi rất khó tìm được việc làm, trừ khi họ là người nhà, họ hàng của chủ các doanh nghiệp tư nhân. Mặt khác, người nông dân Việt Nam, do đặc điểm của lối sống, xã hội ở nông thôn, vốn rất thụ động, chưa thích nghi ngay được với sự thay đổi này.

Thiếu việc làm ở nông thôn diễn ra qua hai hình thức. *Một là*, thiếu việc làm toàn phần (mất việc hoàn toàn) do toàn bộ đất canh tác bị thu hồi. Bộ phận này sau khi sử dụng phần lớn số tiền đền bù, buộc phải đi làm thuê từng ngày trên mảnh đất của chính mình

Hai là, không đủ việc làm hàng ngày do đất canh tác còn quá ít. Công việc trước kia của cả năm nay chỉ tập trung vào khoảng 2 tháng, còn lại là thời gian nhàn rỗi

Thiếu việc làm là nguyên nhân chính dẫn đến thu thập thấp, không ổn định. Trong những năm mới chuyển đổi đất nông nghiệp, đời sống của nhân dân được cải thiện, thu nhập bình quân đầu người tăng lên. Nhưng đó là sự tăng lên giả tạo, không bền vững, do người dân nhận được số tiền đền bù, giải phóng mặt bằng. Ngân sách của tỉnh Ninh Bình tăng đột biến năm 2006, 2007, 2008 so với năm 1991 cũng chính từ việc này. Tiền đền bù giải phóng mặt bằng người dân chỉ nhận một lần, nhưng các thế hệ con cháu lại tiếp nối đời này qua đời khác. Nguy cơ tái đói nghèo không còn là chuyện xa lạ cũng không phải là của thế hệ sau mà của chính ngày hôm nay. Đó là chuyện của một tỉnh, một địa phương.

Nhìn rộng hơn ra cả nước và trên toàn cầu, thì ruộng đất nông nghiệp bị thu hẹp là nguyên nhân chính dẫn đến nguy cơ mất an ninh lương thực và sự phát triển không bền vững của xã hội. Thời gian gần đây, dường như cả thế giới đang nóng lên bởi tình trạng mất cân đối nghiêm trọng giữa cung - cầu lương thực. Sự biến đổi khí hậu diễn ra bất lợi cho sản xuất nông nghiệp, mất mùa triền miên, trong khi đó, nhiều sản phẩm lương thực được sử dụng thay thế cho các nguồn năng lượng khác (phát triển năng lượng sinh học). Tập quán ăn uống của người dân thay đổi, mức tiêu thụ dầu thực vật tăng cao. Ruộng đất nông nghiệp bị thu hẹp ở hầu hết các quốc gia do công nghiệp hoá, hiện đại hoá, giá lương thực trên thế giới liên tục tăng cao. Nhiều nước đã quay ra bảo tồn quỹ đất nông nghiệp để đảm bảo an ninh lương thực. Thực tế là, đất nông nghiệp có thể chuyển sang đất phi nông nghiệp (xây khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất...), nhưng đất đã đô thị hoá, đã xây khu công nghiệp... thì vĩnh viễn không bao giờ có thể chuyển sang đất nông nghiệp được nữa. Đây là một cảnh báo đối với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đô thị hoá nông nghiệp, nông thôn Việt Nam. Với tốc độ tăng dân số hiện nay (dự kiến dân số thế giới năm 2050 sẽ là 9,2 tỷ, còn Việt Nam từ 2000 đến 2007, dân số tăng từ 79 triệu tới 84 triệu), dân số cũng là một áp lực lớn đối với an ninh lương thực toàn cầu.

1.2. Tệ nạn xã hội gia tăng

Trước đây, đời sống xã hội nông thôn rất thanh bình, an toàn. Nông thôn thường là nơi mà người dân thành thị trở về để tìm kiếm sự thanh thản, an lành. Người dân nông thôn thật xa lạ với các tệ nạn nghiện hút, cờ bạc, HIV/AIDS, mại dâm... Giờ đây, những chuyện đó lại trở thành khá phổ biến ở nông thôn. Có những thôn quê, 100% thanh niên nghiện hút, cờ bạc. Hình ảnh cha mẹ già, tóc bạc trắng phải dùng chút sức lực còn lại để chăm sóc những đứa con trẻ chờ chết vì nhiễm HIV và cả những đứa cháu mang mầm bệnh, không còn là hiếm ở nông thôn. Từ con ông chủ tịch

xã cho đến con nhà dân thường, từ con gia đình giàu có cho đến nghèo xác xơ đều có thể chết vì nghiện hút hay HIV. Một màu xám bao phủ lên cuộc sống sôi động với tiện nghi ngày càng hiện đại ở thôn quê.

Theo số liệu điều tra về tình hình tội phạm, tệ nạn xã hội ở huyện Gia Viễn những năm gần đây cho thấy, số vụ tội phạm, tệ nạn xã hội ở các xã tăng nhanh, tập trung nhiều ở các xã có khu công nghiệp, khu du lịch như xã Gia Tân, Gia Hưng, Gia Thanh (gần khu công nghiệp Gián Khẩu), xã Gia Sinh (khu du lịch chùa Bái Đính). Điều đó cũng hoàn toàn đúng khi xem xét tình hình tệ nạn xã hội trên toàn tỉnh Ninh Bình. Thứ tự các địa bàn có nhiều tệ nạn xã hội gắn liền với thứ tự địa bàn có nhiều dự án khu công nghiệp, khu du lịch

1. Thành phố Ninh Bình
2. Thị xã Tam Điệp
3. Huyện Hoa Lư
4. Huyện Nho Quan
5. Huyện Gia Viễn
6. Huyện Yên Khánh
7. Huyện Yên Mô

Tệ nạn xã hội ở nông thôn gia tăng có nhiều nguyên nhân.

Một là, thiếu việc làm, thanh niên buộc phải ra ngoài làm ăn. Xu hướng của những năm gần đây là thanh niên nông thôn đổ xô tới các khu công nghiệp, khu chế xuất, ra thành thị tìm việc làm, kiếm vốn làm ăn lâu dài. Xa nhà, tự do, lại ở trong môi trường xã hội đầy rẫy cám dỗ, tệ nạn xã hội. Trẻ tuổi ham cái mới, mạo hiểm, chẳng mấy thanh niên trở về với cái vẻ chân chất ban đầu và cái số vốn như lúc mới ra đi mong mỏi, hy vọng. Có thanh niên chỉ sau 5 năm đã trở về với cái xác không hồn và bệnh tật và họ chính là mầm mống cho bệnh tật, nghiện hút... ở nông thôn.

Hai là, do có tiền đền bù, cũng có nhà trở thành tỷ phú sau chỉ một đêm (đối với nông thôn, đây là điều mà trước đây người nông dân chỉ dám mơ), nhiều người ăn chơi, hưởng thụ như để trả thù cho cái nghèo truyền đời của nông thôn. Ăn chơi, rồi trở thành xa đọa lúc nào không hay. Thế là người giàu, vì tiêu tiền mà mắc tệ nạn xã hội, người nghèo vì kiếm tiền cũng không thoát khỏi tệ nạn xã hội. Cái vòng luẩn quẩn này cứ bám riết lấy người dân vốn văn hoá còn thấp.

Ba là, nhàn cư vi thành ra bất thiện. Công việc đồng áng bây giờ không còn là nổi vất vả của nhà nông. Thời gian nhàn rỗi sinh ra cờ bạc, rượu chè, rồi cũng thành thói quen khó sửa của nhiều người.

Bốn là, “không gian” làng đã mở rộng, do phát triển kinh tế thị trường, sự giao lưu kinh tế, văn hoá giữa nông thôn và thành thị diễn ra mạnh mẽ. Sự giao lưu này kéo theo sự du nhập những tệ nạn xã hội, không chỉ cần đến những thanh niên đi làm ăn xa, cũng không cần đến việc người dân có tiền đền bù hay không...

Năm là, địa bàn có các khu công nghiệp, khu du lịch thường là nơi có nhiều nhà nghỉ, khách sạn, nhà trọ, quán karaoke, tiệm cắt tóc, gội đầu... Đó cũng chính là những tụ điểm nảy sinh tệ nạn xã hội.

1.3. Những giá trị của văn hoá làng xã ngày càng mờ nhạt

Văn hoá làng. Đó là thứ rất xa xôi nhưng cũng lại rất gần gũi. Xa xôi đến mức mà cho đến nay chưa thể có sự định danh đầy đủ về nó. Gần gũi đến mức thấm vào máu thịt của những con người sinh ra và lớn lên ở quê. Nếu không có nó người ta sẽ cảm thấy cuộc sống thật tẻ nhạt, vô vị. Hình như nó là sức mạnh mà mỗi người con của quê hương, càng trưởng thành (dù tha phương khắp mọi nơi, với cuộc sống giàu sang, hoa lệ) lại càng khao khát quay trở về làng. Nó làm cho người ta hạnh phúc bởi có một làng quê và nó cũng làm cho người ta sợ hãi nếu mất đi cái làng quê ấy.

Đã có rất nhiều nhà khoa học, công trình nghiên cứu về văn hoá làng và lý giải về nó ở nhiều cách nhìn khác nhau. Có thể nhận biết văn hoá làng ở hai phương diện: văn hoá vật thể và phi vật thể. Những biểu tượng của văn hoá vật thể là: cây đa, đình làng, chợ làng, cổng làng, con đường làng, con đê làng, kiến trúc làng, con đò, bến nước ... Trong đó, phải kể đến biểu tượng tiêu biểu: “cây đa, bến nước”. Cây đa là biểu tượng cho sức sống dẻo dai, mãnh liệt, trí tuệ phong phú và tâm linh của con người nông thôn. Cây đa là nơi trẻ nhỏ nô đùa, thanh niên hẹn hò, người lao động mệt nhọc ngồi nghỉ sau giờ làm việc trước khi về nhà. Dù mệt mỏi đến mấy, nhưng về đến cây đa làng, xuống bến nước rửa chân tay, ngồi dưới bóng cây đa, dường như mọi vất vả đều tan biến. Cây đa cũng là biểu tượng hết sức linh thiêng, nó được coi là nơi hội tụ các thần linh, “cây thị có ma, cây đa có thần”. Chợ làng - ngoài ý nghĩa là nơi trao đổi mua bán, chợ làng còn là nơi để thăm hỏi lẫn nhau, mời gọi, nói chuyện con trâu cái cày, chuyện ruộng vườn, nhà cửa, con cái..., là nơi hẹn hò, gặp gỡ giữa người ở làng này với làng khác, thay cho điện thoại, internet hiện nay. Đi chợ làng của người thôn quê mang thật nhiều ý nghĩa. Cho đến tận bây giờ, khi các phương tiện thông tin liên lạc đã thuận lợi cho sự giao tiếp, nhưng những người con xa quê, mỗi khi trở về đều vẫn muốn đi chợ làng, không phải để mua bán, mà là để được tắm mình trong cái ồn ã đậm đà tình làng, nghĩa xóm ...

Còn biểu tượng cho văn hoá phi vật thể là lời ru ngọt ngào của bà, của mẹ, là tình thương yêu đùm bọc xóm giềng, là lối sống “hàng xóm tối lửa tắt đèn có nhau”, là cách quan tâm lẫn nhau của người quê, đến mức, có lúc cảm thấy bức mình, nhưng thiếu nó thì cuộc sống trở nên trống trải không thể chịu nổi, là mùi khói rơm thơm nồng khi buổi chiều về, là niềm vui trên cánh đồng làng làm mọi người đều quên đi cái nắng gắt chói chang của mùa hè, cái giá buốt cắt da cắt thịt của mùa đông... Tất cả những cái đó tạo nên “tính cộng đồng”, “tình làng”. Những biểu tượng vật thể và phi vật thể ấy hoà quyện với nhau, tạo nên cốt cách làng Việt Nam, mà có người đã gọi là “hồn vía làng quê”. Hồn vía này ta khó có thể nắm bắt được hết và cũng không thể xa rời nó được.

Tất cả những biểu tượng của văn hoá làng, cốt cách làng giờ đây đang dần bị phai mờ (không phải là đã mất hết). Không phải bởi vì làng ngày nay, không còn cây đa, bến nước, sân đình mà vì *tình làng, nghĩa xóm* không còn thuần túy là tình yêu

thương con người mà đã bị tác động bởi nhiều thứ khác mạnh hơn: tiền bạc, địa vị, giàu sang... Chủ nghĩa thực dụng, thói ích kỷ đã bắt đầu xâm chiếm lòng người thôn quê. Người ta có thể chém giết nhau, anh em, họ hàng dễ dàng từ bỏ nhau chỉ vì vài centimet đất. Những bức tường bê tông thay thế cho hàng rào dâm bụt hay cái dậu mừng toi để định vị lãnh thổ của mỗi gia đình đã ngăn cách luôn cả tình người nông thôn ngày nay... Đây là hiện tượng khá phổ biến ở thôn quê Việt Nam, nhất là nơi có dự án xây dựng khu đô thị, khu công nghiệp Ở đâu càng đô thị hoá nhanh, thì văn hoá làng cũng càng nhanh biến mất khỏi đời sống người dân. Điều này gần như trở thành vấn đề mang tính quy luật trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

Làng quê Ninh Bình hiện nay, quá trình chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển đổi cơ cấu kinh tế chưa phải đã hoàn toàn là như vậy, nhưng cũng không thể nói là không có. Điều này, không phải người dân nơi đây có ý thức giữ gìn văn hoá làng và cũng không hẳn các nhà quản lý, các nhà đầu tư đã sớm có chiến lược giữ gìn văn hoá làng mà quá trình triển khai các dự án khu công nghiệp, khu du lịch mới chỉ bắt đầu. Sự xáo trộn trong cuộc sống của nông thôn Ninh Bình mới chỉ thực sự rõ nét về kinh tế, còn mờ nhạt về văn hoá. Nhưng như vậy không có nghĩa là nó sẽ không xảy ra nếu như không quan tâm đến chiến lược phát triển văn hoá gắn với kinh tế.

1.4. Ô nhiễm môi trường sống nông thôn

Hiện tượng chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang triển khai các dự án khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đô thị, du lịch, sân golf cũng dẫn đến tình trạng ô nhiễm nghiêm trọng môi trường sống ở nông thôn. Các loại hình của ô nhiễm gồm ô nhiễm môi trường tự nhiên: ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm đất, ô nhiễm không khí và ô nhiễm môi trường văn hoá, xã hội.

Ô nhiễm môi trường tự nhiên có nhiều nguyên nhân: khí thải, chất thải, nước thải, rác thải... từ các khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại; Sử dụng phân bón hoá học, phân hữu cơ trong, thuốc bảo vệ thực vật nông nghiệp nhằm tăng năng suất cây trồng; Hàng hoá phục vụ nhu cầu tiêu dùng kém chất lượng chủ yếu tiêu thụ ở nông thôn ... hậu quả của tình trạng ô nhiễm môi trường tự nhiên là sức khoẻ cộng đồng đang bị đe dọa, tuổi thọ của người dân giảm, suy dinh dưỡng ở trẻ em, bệnh nan y xuất hiện ngày càng nhiều (làng ung thư), dịch bệnh...

Ô nhiễm môi trường văn hoá, xã hội, biểu hiện ở sự gia tăng tệ nạn xã hội, văn hoá ăn mặc của thế hệ thanh niên có xu hướng lai căng, giao tiếp ứng xử trong gia đình, ngoài thôn xóm thiếu văn minh. Nhiều sản phẩm văn hoá độc hại, rẻ tiền như sách, báo, băng đĩa lậu có nội dung không lành mạnh du nhập vào mọi ngõ ngách nông thôn bằng nhiều con đường khác nhau. Đa số người dân nông thôn có trình độ dân trí, văn hoá còn thấp, phương tiện thông tin ngày càng đa dạng, giao lưu hàng hoá thuận tiện là nguyên nhân chính cho sự du nhập sản phẩm văn hoá không lành mạnh. Thường thì con người phải học, thậm chí phải học đến khổ sở mới tiếp thu được cái văn hoá, còn cái phản văn hoá thì không phải học, không phải rèn, nó cứ ám vào con người ta một cách hết sức tự

nhiên. Cho nên, cái phản văn hoá đến với đời sống nông thôn nhanh hơn, làm hủy hoại môi trường văn hoá, xã hội nông thôn.

Ô nhiễm môi trường nông thôn Việt Nam hiện nay không còn là một nguy cơ mà là một thực tế bức xúc làm đau đầu các nhà quản lý và các nhà khoa học. Vì vậy, có người đã ví nông thôn hiện nay như một thùng “rác đẹp”. Ninh Bình, với nhiều dự án khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, khu du lịch, đã, đang được xây dựng và bước đầu đưa vào sử dụng. Chỉ tính riêng ở các khu du lịch, hàng năm lượng khách trong nước và quốc tế tăng lên nhanh chóng. Năm 2006, lượng khách du lịch đạt 1,3 triệu lượt, tăng 25% so với năm 2005⁽³⁾. Trong những năm tới, một số khu du lịch được đưa vào khai thác, lượng khách sẽ còn tăng lên rất nhiều. Định hướng đến năm 2010 của Sở Du lịch Ninh Bình là sẽ có khả năng đón 3-4 triệu lượt khách. Như vậy, lượng rác thải hàng ngày từ khách du lịch ở đây sẽ không nhỏ.

Cùng với rác thải từ khách du lịch, còn có một số dự án sân golf đang chuẩn bị xây dựng. Nguy cơ ô nhiễm nước từ sân golf cũng rất lớn. Theo Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật Việt Nam: *Trên mỗi hecta sân golf, người ta phải sử dụng lượng hoá chất trung bình lớn gấp 3 lần số hoá chất cho một khu canh tác nông nghiệp bình thường, tức là khoảng 1,5 tấn/hecta mỗi năm. Trung bình một sân golf 36 lỗ mỗi ngày tốn tới 10.000m³ nước để tưới cỏ, tương đương lượng nước sinh hoạt cho 2000 gia đình. Ở nhiều nơi, chính những người làm việc tại sân golf đã không dám dùng nguồn nước ngầm tại chỗ vì bị ô nhiễm nghiêm trọng. Trên thế giới, ngày 29/4 hàng năm được chọn làm ngày Thế giới không có golf.*

Trong khi đó người dân nông thôn Ninh Bình hiện nay chủ yếu chưa được cung cấp nước sạch, sinh hoạt hàng ngày vẫn bằng nguồn nước giếng khoan dưới lòng đất.

Hiện nay, người dân nông thôn đặc biệt ở Ninh Bình hầu như chưa được trang bị, tuyên truyền để đối phó với vấn đề ô nhiễm môi trường sống. Do vậy, ý thức của người dân trong bảo vệ môi trường, bảo vệ cuộc sống của chính mình còn rất hạn chế. Các dự án triển khai khu du lịch cũng đề cập tới nhưng chưa thực sự coi trọng vấn đề bảo vệ môi trường sống nông thôn. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng sống bền vững của người dân nơi đây mà còn ảnh hưởng đến chất lượng của ngành du lịch Ninh Bình. Trong khi đó, phát triển du lịch được xem là một mũi nhọn trong phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh.

1.5. Mâu thuẫn giữa người dân địa phương với các nhà đầu tư trong quá trình chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp

Hiện nay, hầu hết ở các vùng nông thôn Việt Nam và ở Ninh Bình, quá trình thu hồi đất để triển khai các dự án khu công nghiệp, khu du lịch gặp không ít những khó khăn từ phía người dân. Tình trạng khiếu kiện, tranh chấp đất đai kéo dài, người dân ngăn cản các nhà đầu tư, tố cáo về bồi thường giải phóng mặt bằng có xu hướng gia tăng (những năm gần đây, tổng số đơn thư, khiếu nại, tố cáo ở mọi cấp trên phạm vi cả nước, chủ yếu là về đền bù đất đai, giải phóng mặt bằng). Mâu thuẫn giữa chính quyền địa phương với nhân dân, giữa các nhà đầu tư với nhân dân... đã cản trở không

nhỏ đến tiến độ triển khai các dự án và cũng gây tâm lý bất bình đối với người dân. Điều này có nhiều nguyên nhân:

Một là, mức đền bù đất nông nghiệp quá thấp so với giá trị sử dụng của nó (34.000đ/1m² loại đất 2 lúa). Thực tế, đối với người nông dân, ruộng đất là tư liệu quan trọng nhất, cái tài sản vô giá mà họ được sử dụng. Chính cái tư liệu sản xuất này, mặc dù hàng năm không đem lại giá trị kinh tế cao nhưng lại đã nuôi sống bao con người từ đời này qua đời khác, đã đem lại cuộc sống ổn định cho họ. Nhưng khi chuyển đổi mục đích, họ nhận lại giá trị của miếng đất ấy chỉ một lần duy nhất, sau đó nếu *may mắn* họ có thể được làm thuê trên chính mảnh đất ấy. Người nông dân đã chứng kiến nhà đầu tư bán lại cho mình (không phải là cho tất cả ai muốn mua và nếu như vậy họ cũng không thể mua được) với giá quá cao so với giá đền bù. Cuộc sống của con người cứ tiếp diễn, đời này đến đời khác. Tâm lý mất ruộng, mất cái quyền làm chủ mà bao đời nay họ được hưởng tạo nên sự hoang mang, lo lắng cho hiện tại và tương lai và cả sự bất bình nhất định.

Hai là, cán bộ địa phương có dấu hiệu lợi dụng việc thu hồi đất, đền bù giải phóng mặt bằng để trục lợi cá nhân, tham nhũng: đầu cơ đất, sách nhiễu dân (đa số người nông dân không hiểu rõ chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước), cán bộ địa phương cùng với các nhà đầu tư gây sức ép với dân. Có tình trạng, khi giải quyết đền bù chưa xong, chưa có sự thống nhất thỏa đáng với dân, nhưng nhà đầu tư vẫn tiến hành giải phóng mặt bằng, trong khi chính quyền địa phương không có sự can thiệp kịp thời, gây bức xúc đến tâm lý người dân. Lối sống của một số cán bộ có biểu hiện lãng phí, xa hoa, phô trương, hình thức, không phù hợp với nếp sống vốn giản dị, tiết kiệm của người nông dân Việt Nam. Sự cách biệt giữa cuộc sống của người dân với bộ phận cán bộ tha hoá này có nguy cơ thành sự phân tầng, phân hoá xã hội rõ nét.

Ba là, trước khi triển khai dự án, người dân địa phương không được biết rõ chính xác quy hoạch tổng thể của dự án, nên rất khó chủ động trong việc tìm hướng đi mới cho cuộc sống của mình. Thậm chí ngay cả chính quyền địa phương cũng không được rõ về điều này, để có kế hoạch chuyển đổi nghề cho dân.

Bốn là, thái độ của chính nhà đầu tư đối với dân địa phương, nhất là sau khi đã đền bù giải phóng mặt bằng. Phải thống nhất một điều rằng dù là người dân địa phương trước đây, hay bây giờ là chủ đầu tư có quyền sử dụng đất, nhưng đất đó lúc nào cũng thuộc quyền sở hữu Nhà nước. Tuy nhiên, một số nhà đầu tư đã có biểu hiện như “địa chủ hiện đại”, người dân cảm thấy bị “tước đoạt một cách hợp pháp” tư liệu sản xuất đã gắn bó hàng ngàn năm nay với họ. Khẩu hiệu “người cày có ruộng” dường như trở thành xa lạ... Những nguyên nhân trên làm cho lòng dân không yên, suy giảm niềm tin đối với chủ trương của Đảng, Nhà nước. Môi trường chính trị - xã hội nông thôn nhiều nơi không ổn định. Đây không phải là trường hợp riêng của Ninh Bình mà là của nhiều tỉnh, thành phố khác, như Hà Tây, Hưng Yên, Hà Nội, Hải Phòng, Thái Bình...

Trên đây là một số vấn đề xã hội rất bức xúc, nảy sinh trong quá trình triển khai chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp ở nông thôn Ninh Bình và cũng là

những vấn đề phổ biến của nhiều vùng nông thôn Việt Nam khác hiện nay. Như vậy, thực chất sự phát triển của nông thôn hiện nay đang bộc lộ ngày càng rõ tính không bền vững. Tăng trưởng kinh tế chưa đi liền với tiến bộ xã hội, an ninh lương thực bị đe dọa, cuộc sống của con người kém an toàn... Những vấn đề đó đòi hỏi các nhà đầu tư, chính quyền địa phương và Nhà nước cần có sự phối kết hợp, có một chiến lược lâu dài để đảm bảo việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp vừa đạt mục tiêu kinh tế vừa đạt mục tiêu văn hoá xã hội, tức đảm bảo sự phát triển toàn diện, tiến bộ, bền vững của nông thôn Việt Nam.

2. Các giải pháp cơ bản khắc phục những vấn đề xã hội cấp bách ở nông thôn Việt Nam hiện nay

2.1. Giải quyết đúng đắn, hài hoà mối quan hệ giữa lợi ích của nhân dân địa phương với nhà đầu tư

Lợi ích là động lực cho sự phát triển. Đảm bảo lợi ích của nhân dân là mục đích cao nhất cũng là lý tưởng của Đảng ta. Mọi chủ trương, chính sách của Đảng cũng là thực hiện lợi ích của nhân dân. Chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp là ở nước ta hiện nay cũng như ở Ninh Bình nhằm khai thác tiềm năng thế mạnh, nguồn lực để vừa phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đóng góp vào sự phát triển của đất nước vừa thực hiện mục tiêu dân giàu. Có thể nói đó là chủ trương đúng đắn, đã được sự đồng thuận của xã hội, sự ủng hộ của hầu hết nhân dân địa phương. Nhìn chung, tâm lý của người dân phấn khởi, tin tưởng và tạo điều kiện để nhà đầu tư thực hiện. Tuy nhiên, trong triển khai dự án lại xuất hiện những mâu thuẫn, có nơi trở thành gay gắt, biểu hiện bằng tình trạng khiếu kiện kéo dài của nhân dân nhiều địa phương. Tâm lý, tư tưởng của một bộ phận nhân dân chưa yên tâm, cản trở không nhỏ tới thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước.

Để khắc phục tình trạng này, *trước hết*, Chính quyền địa phương cùng với các tổ chức đoàn thể phải tích cực tuyên truyền chủ trương của Đảng và Nhà nước về mục đích chuyển đổi đất nông nghiệp. Phân tích chỉ cho người dân thấy rõ được lợi ích của mình trong lợi ích chung của cộng đồng, lợi ích lâu dài và trước mắt trong thực hiện chủ trương đó. Chỉ khi tư tưởng thống nhất thì hành động mới thống nhất. Ở đây, tâm lý, tư tưởng của người dân chưa thông, rõ ràng việc triển khai thực hiện sẽ không thể đạt hiệu quả cao.

Thứ hai, phổ biến mọi chế độ, chính sách liên quan đến đền bù, giải phóng mặt bằng, đồng thời thực hiện đúng, đầy đủ, công khai chế độ, chính sách đó để đảm bảo lợi ích của người dân, nhà đầu tư và lợi ích của xã hội. Định mức đền bù ruộng đất, giải phóng mặt bằng cần có sự điều chỉnh theo thị trường. Bởi vì sau khi chuyển đổi, nhà đầu tư kinh doanh trên thị trường, tức là hưởng lợi theo thị trường, vậy đương nhiên, việc đền bù cũng phải có sự điều tiết theo sự biến động của thị trường.

Thứ ba, các nhà đầu tư cần công khai, minh bạch trước nhân dân quy hoạch của dự án, cả những thay đổi, điều chỉnh dự án trong quá trình triển khai. Điều này sẽ tạo điều kiện cho người dân chủ động, tích cực trong việc chuyển đổi nghề nghiệp của mình, thể hiện quan điểm tôn trọng dân, tin dân... Đồng thời, qua đó tăng cường sự

giám sát xã hội đối với nhà đầu tư trong quá trình triển khai dự án (thực tế có hiện tượng các nhà đầu tư lợi dụng chủ trương phát triển kinh tế tư nhân, kinh doanh bất động sản)

Thứ tư, công khai hoá các nguồn thu chi của chính quyền địa phương, đặc biệt những nguồn thu chi liên quan đến quá trình chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Để tránh tình trạng cán bộ địa phương lạm dụng chuyển đổi mục đích sử dụng đất để trục lợi cá nhân, tránh sự nghi ngờ, hiểu lầm không đáng có giữa nhân dân và chính quyền địa phương.

2.2. Đào tạo nghề cho người lao động bị thu hồi đất vừa căn cứ vào từng đối tượng cụ thể vừa bám sát cơ cấu kinh tế của địa phương

Vấn đề bức xúc và cấp thiết nhất hiện nay là việc làm cho người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp. Để giải quyết việc làm thì điều quan trọng nhất là đào tạo để chuyển đổi nghề cho nông dân. Tuy nhiên, việc làm này không hề đơn giản. Đối tượng thiếu việc làm thường ở hai lứa tuổi. Thanh niên (dưới 35 tuổi) và trung niên trở lên (35 tuổi trở lên). Nhưng đối tượng chính lại là lứa tuổi trung niên và là phụ nữ, bởi vì thanh niên thường năng động, dễ nắm bắt cái mới và xu hướng chính những năm gần đây của thanh niên nông thôn là đi ra thành thị, xuất khẩu lao động, hoặc tới các khu công nghiệp, khu chế xuất kiếm việc làm. Lao động phụ nữ ở nông thôn, từ 35 tuổi trở lên thường là người chịu trách nhiệm chính trong gia đình. Đặc điểm lứa tuổi này không dễ dàng để học một nghề mới, với yêu cầu tương đối cao về trí tuệ và sự năng động để có thể vào làm việc ở các khu công nghiệp hiện nay. Do vậy, giải pháp khả thi nhất là chính quyền địa phương kết hợp với các nhà đầu tư, sắp xếp bố trí cho họ những công việc thuộc loại hình dịch vụ giản đơn. Mặt khác, phải tuyên truyền để người dân có cách nhìn nhận mới về việc làm, xoá bỏ tư duy theo kiểu ở nông thôn thì làm ruộng mới là có việc làm.

Với đối tượng thanh niên, cần được đào tạo nghề lâu dài, phù hợp với đối tượng tuyển chọn của các nhà đầu tư để thu hút họ vào làm việc tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp địa phương, các làng nghề truyền thống, tức giải quyết việc làm tại chỗ cho thanh niên. Khắc phục dần tình trạng “ly nông” kéo theo “ly hương” đối với thanh niên. Đây là hướng trọng điểm trong giải quyết việc làm ở Ninh Bình. Đào tạo nghề phải gắn với cơ cấu kinh tế và chiến lược phát triển kinh tế xã hội ở địa phương: Công nghiệp, xây dựng - nông nghiệp - dịch vụ du lịch và gắn với yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của từng lĩnh vực. Có như vậy, đào tạo nghề mới thực hiện được giải quyết việc làm cho người lao động. Tránh tình trạng, các khu công nghiệp, khu chế xuất mọc lên như nấm ở địa phương, mở ra bao nhiêu khả năng giải quyết việc làm cho người lao động, nhưng rốt cuộc chẳng có mấy người dân địa phương vào làm việc ở đó được, vì không đáp ứng được yêu cầu của sản xuất.

Giải quyết việc làm cho người lao động, nhất là giải quyết việc làm tại chỗ, là mấu chốt của việc xoá đói, giảm nghèo bền vững ở nông thôn, tạo mức thu nhập ổn định, đời sống được nâng cao, đồng thời ngăn chặn nguy cơ tệ nạn xã hội phát sinh, phát triển ở nông thôn.

2.3. Quy hoạch và bảo vệ quỹ đất nông nghiệp

Đối với Ninh Bình, quy hoạch tổng thể về phát triển nông nghiệp, khu công nghiệp, khu du lịch hiện nay là tương đối hợp lý, phù hợp với đặc điểm tự nhiên, địa hình ở đây. Quy hoạch đó vừa khai thác được thế mạnh vừa khắc phục được hạn chế của Tỉnh. Đất trồng lúa ở Ninh Bình không nhiều và cũng không thuận tiện cho sản xuất nông nghiệp, vì đây là vùng chiêm trũng, “chưa mưa đã úng, chưa nắng đã hạn” (Gia Viễn, Hoa Lư, Yên Khánh...). Ngoài đất trồng lúa, phần không nhỏ là diện tích đất đồi núi, bán sơn địa (Nho Quan, Gia Viễn, Tam Điệp), phù hợp với cây công nghiệp, hoa màu và một phần là diện tích ven biển (Kim Sơn, Phát Diệm), phù hợp với nuôi trồng thủy sản, trồng cói... Trồng lúa, hay cây công nghiệp, nuôi trồng thủy hải sản những năm trước đây đều cho năng suất rất thấp và Ninh Bình là một tỉnh rất nghèo, đời sống của người dân hết sức khó khăn. Xét ở tầm vĩ mô, thì việc chuyển đổi mục đích đất nông nghiệp không ảnh hưởng đến an toàn lương thực của nhân dân trong Tỉnh.

Tuy nhiên, ở tầm vĩ mô, Nhà nước lại rất cần đến một kế hoạch bảo vệ quỹ đất nông nghiệp. Bởi đặc điểm của các địa phương khác không hoàn toàn giống với Ninh Bình. Chẳng hạn, Thái Bình, Hưng Yên, Hải Dương... (miền Bắc), các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long là những địa phương rất thuận lợi cho sản xuất lương thực. Thực tế hiện nay, an ninh lương thực toàn cầu đang bị đe dọa. Bài học từ các nước phát triển cho thấy công nghiệp hoá phải đi đôi với an toàn lương thực. Việt Nam là một nước nông nghiệp, vấn đề an ninh lương thực chưa bị đe dọa, nhưng với xu hướng công nghiệp hoá, đô thị hoá nhanh như hiện nay, thì quỹ đất nông nghiệp cũng không thể đảm bảo nhu cầu của người dân trong tương lai (nhiều nghiên cứu cho thấy dân số Việt Nam sẽ tăng lên khoảng 120 triệu mới ổn định). Mặt khác, thế giới đang trong tình trạng mất cân đối nghiêm trọng cung - cầu lương thực. Đây chính là cơ hội để Việt Nam đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, tăng nhanh nguồn cung, xuất khẩu và xây dựng thương hiệu gạo Việt Nam trên thị trường thế giới. Biện pháp đầu tiên để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp là phải bảo vệ quỹ đất nông nghiệp trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Bảo vệ quỹ đất nông nghiệp để đảm bảo an ninh lương thực cũng đã được Chính phủ quan tâm, trong đó yêu cầu đặt ra trước tiên là đảm bảo diện tích trồng lúa. Tuy nhiên, đến nay Việt Nam vẫn thiếu bản quy hoạch cụ thể về đất nông nghiệp trên phạm vi cả nước. Do vậy, trong triển khai thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp, nhiều địa phương vẫn không chú ý đến điều đó vì lợi ích trước mắt mà nó đem đến rất lớn. Ngân sách địa phương tăng nhiều lần nhờ nguồn thuế, thu nhập người dân tăng lên nhờ tiền đền bù giải phóng mặt bằng. Các nhà đầu tư khi xây dựng khu công nghiệp, khu chế xuất đều muốn vị trí thuận lợi về giao thông, thị trường. Vị trí đó lại thường là phần đất trồng lúa và trong lúc được trải thảm đỏ đón tiếp thì đương nhiên họ không dễ để từ chối. Vì vậy, tốc độ mất đất trồng lúa ở nước ta diễn ra rất nhanh trong những năm qua.

Để khắc phục điều này, Chính phủ cần có quy hoạch cụ thể về quỹ đất nông nghiệp trên phạm vi cả nước

Trên cơ sở quy hoạch đó, các địa phương xây dựng kế hoạch để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá tùy theo tiềm năng, thế mạnh của mình. Như vậy, vừa đảm bảo mục đích phát triển kinh tế - xã hội địa phương vừa góp phần đảm bảo an ninh lương thực trên cả nước hiện nay và tương lai.

2.4. Bảo vệ môi trường tự nhiên và môi trường văn hoá ở nông thôn đi liền với quá trình chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp

Một điều đã không cần phải bàn cãi nhiều nữa đó là thảm họa ô nhiễm môi trường từ các khu công nghiệp, khu chế xuất, làng nghề, khu du lịch và cũng không cần phải tranh luận đến tác động tàn phá của ô nhiễm môi trường đến sinh mạng từng con người, cộng đồng và toàn xã hội. Phòng và chống ô nhiễm môi trường gắn liền với công nghiệp hoá, hiện đại hoá là điều tối cần thiết hiện nay không chỉ đối với Ninh Bình mà đối với mọi khu vực trên lãnh thổ Việt Nam và thế giới. Tuy nhiên, phòng và chống như thế nào để có hiệu quả?

Trước hết, ngay khi xây dựng và duyệt các dự án xây dựng khu công nghiệp, khu chế xuất hay khu du lịch, các nhà đầu tư và chính quyền địa phương đều đã phải tính đến nguy cơ ô nhiễm môi trường để chủ động xây dựng hệ thống xử lý chất thải trước khi các khu công nghiệp, du lịch...đi vào hoạt động. Cần có sự tư vấn, thẩm định, giám sát của các nhà khoa học vào quá trình này.

Hai là, trong quá trình triển khai xây dựng và ngay khi đưa vào hoạt động, cần giám sát theo dõi khả năng ô nhiễm môi trường từ các khu công nghiệp, khu du lịch Đây không chỉ là nhiệm vụ của các nhà đầu tư mà là nhiệm vụ chung của các cấp chính quyền và nhân dân địa phương. Đồng thời, phải có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các chủ thể đó trong bảo vệ môi trường.

Ba là, xây dựng quy chế bảo vệ môi trường cấp chính quyền cơ sở. Trong đó, đề cao vai trò giám sát, kiểm tra của cộng đồng dân cư địa phương đối với các hành vi vi phạm môi trường. Thực tế, có nhiều địa phương, các hoạt động bảo vệ môi trường được đưa vào hương ước của thôn, xóm, lấy đó làm cơ sở điều tiết hành vi của con người, việc bảo vệ môi trường sống đã đạt hiệu quả rất cao.

Bốn là, tích cực tuyên truyền cho người dân hiểu rõ về nguy cơ ô nhiễm môi trường. Bởi vì, chỉ khi người dân tự giác và có sự tham gia của đông đảo nhân dân địa phương thì bảo vệ môi trường mới có hiệu quả.

Cùng với bảo vệ môi trường là tăng cường giữ gìn giá trị của văn hoá làng đi liền với phát triển kinh tế nông thôn. Để đảm bảo phát triển toàn diện nông thôn Việt Nam và sự phát triển kinh tế bền vững thì việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn không thể không chú ý đến giữ gìn giá trị văn hoá làng Việt Nam. Chính giá trị văn hoá ấy đã tạo nên sức sống mãnh liệt trong bản thân mỗi con người, cộng đồng người. Đối với mảnh đất Ninh Bình, điều này đã quá rõ. Những giá trị văn hoá làng xã qua các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh là tiềm năng cho sự phát triển du lịch - ngành kinh tế mũi nhọn của Tỉnh những năm qua. Tuy nhiên, nếu không tiếp tục có chiến lược lâu dài để giữ gìn và tôn tạo thì những giá trị đó có thể sẽ dễ dàng bị che khuất đi bởi những yếu tố văn hoá và phản văn hoá hiện

đại trong quá trình đô thị hoá, công nghiệp hoá quá nhanh như hiện nay. Điều này cũng rất cần thiết đối với các vùng nông thôn khác của Việt Nam.

Giữ gìn giá trị văn hoá làng cần bắt đầu từ chính những người dân làng. Họ là chủ thể sáng tạo, truyền tải và hưởng thụ trực tiếp những giá trị đó. Họ cũng là người hiểu sâu sắc nhất ý nghĩa bền vững của văn hoá làng.

Đổi mới cách thức tổ chức thực hiện phong trào xây dựng “làng văn hoá”, “gia đình văn hoá” để mỗi “gia đình văn hoá”, “làng văn hoá” phải thực sự có văn hoá, ở đó văn hoá truyền thống không bị tha hoá hoặc mất đi hoàn toàn.

Tận dụng tối đa các phương tiện thông tin hiện đại: truyền hình, phát thanh... và các hoạt động văn hoá, nghệ thuật để truyền bá, giữ gìn giá trị văn hoá truyền thống. ...

Trên đây là một số giải pháp nhằm khắc phục những vấn đề xã hội ở nông thôn Việt Nam trong quá trình chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp hiện nay. Những giải pháp này cần được thực hiện một cách đồng bộ và phải có sự tham gia của nhiều chủ thể: các nhà đầu tư, chính quyền và nhân dân địa phương. Có như vậy, việc giải quyết những vấn đề xã hội trên mới đạt hiệu quả thiết thực.

Kết luận

Chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp ở Việt Nam hiện nay đã đi được một chặng đường không phải là ngắn, đã có thực tiễn để kiểm nghiệm đây là một chủ trương hoàn toàn đúng đắn trong bối cảnh xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Bởi quá trình chuyển đổi này đã đem lại nhiều ích lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội của các vùng nông thôn Việt Nam. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện lại xuất hiện không ít những vấn đề xã hội bức xúc, cho thấy sự phát triển kinh tế - xã hội ở đây thực sự chưa ổn định, bền vững nếu không muốn nói đó là sự phát triển còn mang tính giả tạo. Do vậy, để đạt mục tiêu phát triển toàn diện nông thôn Việt Nam theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới hiện đại, phát triển, cần có sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, chính quyền các cấp và nhân dân địa phương để giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc đó.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam, Tỉnh ủy Ninh Bình (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ XIX*, 140 trang.
- [2] Thế Dũng, *Quỹ đất trồng lúa ngày mai sẽ ra sao*, Báo Hà Nội Mới, số ra ngày 15/4/2008, 16/4/2008, 17/4/2008.
- [3] <http://WWW.ninhbinh.gov.vn>
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành trung ương Khoá IX*, NXB CTQG, Hà Nội, 201 trang.
- [5] Nguyễn Tiệp (2008), “Việc làm cho người lao động trong quá trình chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp”, *Cộng sản* (786), tháng 4, tr.72- 75.